

**UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NỘI VỤ**

Số: 12/SNV-CCHC
Về việc báo cáo công tác Cải cách
hành chính nhà nước năm 2012

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 20 tháng 11 năm 2012

Kính gửi: - Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 3053/KH-UBND ngày 30/12/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính nhà nước năm 2012; công văn số 725/BNV-CCHC, ngày 01/3/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và báo cáo CCHC hàng năm;

Sở Nội vụ đề nghị các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính cấp mình gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp và báo cáo theo quy định. Yêu cầu báo cáo đảm bảo các nội dung theo Đề cương chi tiết (*Có đề cương kèm theo*).

Báo cáo bằng văn bản gửi về phòng Cải cách hành chính - Sở Nội vụ; bản điện tử gửi vào hộp thư điện tử: cchc_snv@bacgiang.gov.vn. trước ngày 05/12/2012./. Để tổng hợp báo cáo Bộ Nội vụ và UBND tỉnh theo qui định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, Phòng CCHC;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Trọng Nam

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2012
(Kèm theo Công văn số 1201 /SNV-CCHC ngày 20 tháng 11 năm 2012)

Đề nghị báo cáo cải cách hành chính năm của các cơ quan, đơn vị xây dựng thống nhất với các nội dung chính như:

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính;
 - Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính;
 - Đánh giá chung;
 - Phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm tiếp theo;
 - Kiến nghị, đề xuất với Trung ương, với Bộ ngành, với tỉnh.
- Nội dung cụ thể của các phần như sau:*

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

- Nêu rõ việc xây dựng và thời gian ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm, giai đoạn theo hướng dẫn của tỉnh.
- Kết quả triển khai thực hiện kế hoạch, trong đó nêu rõ mức độ đạt được trong thực hiện nội dung kế hoạch, theo các phụ lục:
 - + Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch (Phụ lục 1): Các Sở, ban, ngành UBND cấp huyện báo cáo.
 - + Báo cáo về tiêu chí thực hiện CCHC cấp Sở (Phụ lục 2a): Các Sở, ban, ngành báo cáo.
 - + Báo cáo về tiêu chí thực hiện CCHC cấp huyện (Phụ lục 2b): UBND cấp huyện báo cáo.

2. Về tổ chức, chỉ đạo, điều hành CCHC

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính.
- Việc tổ chức các hội nghị giao ban công tác CCHC.
- Việc triển khai, quán triệt các nội dung, nhiệm vụ của chương trình, kế hoạch về cải cách hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.
- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.
- Những sáng kiến trong triển khai công tác CCHC.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

- Việc ban hành Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính hàng năm.

- Đánh giá kết quả thực hiện, trong đó, nêu rõ số lượng, đơn vị được kiểm tra, việc khắc phục những hạn chế, yếu kém, biện pháp xử lý những sai phạm sau kiểm tra.

4. Công tác tuyên truyền về CCHC

- Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện công tác tuyên truyền CCHC về các mặt: Xây dựng và thực hiện kế hoạch CCHC, phương pháp, hình thức tuyên truyền...

- Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền (cụ thể về số cuộc tuyên truyền, số người tham gia...). Đánh giá mức độ nắm bắt thông tin và nâng cao hiểu biết về đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về CCHC thông qua công tác tuyên truyền.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật.

a) Xây dựng và ban hành văn bản QPPL: số lượng văn bản do sở, ngành tham mưu, đề xuất để UBND tỉnh ban hành; văn bản QPPL do UBND huyện ban hành; việc tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL theo quy định; chất lượng văn bản được ban hành.

Những yếu kém, hạn chế và nguyên nhân trong việc ban hành các văn bản QPPL (về thời gian, nội dung, chất lượng, công tác phối hợp, công tác tuyên truyền, phổ biến...)

b) Công tác rà soát văn bản QPPL: tình hình triển khai kế hoạch rà soát định kỳ các văn bản QPPL và kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát (số văn bản được rà soát, số được giữ nguyên, số được sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung...)

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL.

Tình hình triển khai thực hiện các văn bản QPPL, trong đó, nêu rõ số văn bản QPPL phải triển khai thực hiện theo quy định, số văn bản QPPL đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Đánh giá tác động của các văn bản này trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội.

Tình hình kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL trong đó nêu rõ số văn bản QPPL được kiểm tra so với tổng số văn bản QPPL hiện hành; xử lý các vấn đề qua kiểm tra.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định.

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

a) Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền.

b) Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (nêu rõ việc có ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hay không);

- Kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, trong đó, nêu rõ mức độ hoàn thành, việc xử lý các vấn đề phát hiện sau rà soát.

- Việc thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định, trong đó, nêu rõ kết quả sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và quy định liên quan đến TTHC thuộc thẩm quyền quyết định hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định.

- Việc cập nhật TTHC, tham mưu ban hành quyết định công bố TTHC.

- Kết quả việc thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền.

c) Công khai TTHC

Nêu cụ thể tình hình công khai TTHC theo quy định tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, trên mạng Internet và các hình thức công khai khác. Trong đó, nêu rõ số cơ quan, đơn vị, địa phương công khai thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, số lượng, tỉ lệ TTHC được công khai trên cổng thông tin điện tử của sở, ban, ngành và địa phương.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Nêu rõ, tình hình tổ chức thực hiện rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế (kể cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc). Qua rà soát, đánh giá các vấn đề sau:

- Tình hình triển khai các quy định về tổ chức bộ máy. Trong đó, nêu rõ thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản QPPL.

- Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Tình hình quản lý và sử dụng biên chế.

- Tình hình triển khai thực hiện quy chế làm việc.

- Về thực hiện phân cấp quản lý.

Nêu cụ thể tình hình thực hiện các quy định về phân cấp tại cơ quan, đơn vị, địa phương; công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp; việc xử lý các vấn đề phân cấp sau kiểm tra.

3.2. Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc.

3.3. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Phụ lục 3b

THÔNG KÊ

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG CẤP HUYỆN, CẤP XÃ

Từ ngày / /20 đến ngày / /20

Cấp huyện:

Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Kết quả giải quyết										Ghi chú
	Tổng số hồ sơ nhận	Trong đó, nhận ngày thứ bảy	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết					
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
				Trả trước thời hạn	Trả đúng thời hạn		Trả quá thời hạn	Chưa tới thời hạn	Quá thời hạn		
2	3	3a	4	5	6	7	8	9	10	11	
Đất đai											
Tài nguyên-Môi trường											
Xây dựng											
Đăng ký kinh doanh											
Tư pháp											
Lao động-Thương binh và xã hội											
Giáo dục và Đào tạo											
Kế hoạch-Đầu tư											
...											
Tổng cộng											

Lý do Quá thời hạn:

- Cột 7:

- Cột 10:

II. Cấp xã:

Số TT	Lĩnh vực, công việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Kết quả giải quyết										Ghi chú
		Tổng số hồ sơ nhận	Trong đó, nhận ngày thứ bảy	Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết				
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
					Trả trước thời hạn	Trả đúng thời đúng	Trả quá thời hạn		Chưa tới thời hạn	Quá thời hạn		
1	2	3	3a	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Đất đai											
2	Xây dựng											
3	Chứng thực-Hộ tịch											
4	Lao động-Thương binh và xã hội											
5	Nông nghiệp và PTNT											
	...											
	Tổng cộng											

*** Lý do quá thời hạn:**

- Cột 7:
- Cột 10:

Chú thích:

- Cột 2: Liệt kê các lĩnh vực, công việc đang thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cấp huyện, cấp xã. Ở phần liệt kê sản có thể bỏ sung lĩnh vực khác đang thực hiện.
- Cột 3 = cột 4 + cột 8; Cột 4 = cột 5 + cột 6 + cột 7; Cột 8 = cột 9 + cột 10;
- Cột 3 bao gồm tổng số hồ sơ nhận trong năm và số hồ sơ của năm trước chuyển sang (kể cả số hồ sơ nhận ngày thứ bảy);
- Cột 3a bao gồm tổng số hồ sơ nhận trong các ngày thứ bảy của năm;
- Cột 4 bao gồm toàn bộ số hồ sơ đã được giải quyết xong (kể cả số hồ sơ dân chưa đến nhận);
- Cột 8 bao gồm toàn bộ số hồ sơ đang giải quyết.

